

Bài 14

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Chính trị và hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chính trị là lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm các hoạt động, các mối quan hệ liên quan đến các công việc và giải quyết các vấn đề chung của toàn xã hội¹. Đây là biểu hiện bề ngoài của chính trị. Thực chất chính trị là mối quan hệ, sự tương tác giữa chủ thể xã hội với toàn bộ các

1. Thuật ngữ "chính trị" có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ đại "politika", có nghĩa là "công việc nhà nước" hay "những công việc xã hội". Trong tiếng Hán cổ đại, "chính trị" nghĩa là "chính sách quốc gia", "công việc trị quốc"... Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm chính trị như: nghệ thuật của phép cai trị; những công việc của chung; sự thỏa hiệp và đồng thuận; quyền lực và cách phân phối tài nguyên hay lợi ích...

tổ chức và thành viên trong xã hội, với quyền lực chi phối chứa đựng bên trong đó, *quyền lực chung* (*quyền lực xã hội*), gọi là *quyền lực chính trị*.

Trong các công việc chung của xã hội thì công việc của nhà nước chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Trong xã hội có giai cấp, giai cấp chiếm ưu thế luôn luôn muốn giành lấy vai trò thực hiện các công việc chung để xác lập và duy trì địa vị thống trị của giai cấp mình. Chính vì vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng thực chất chính trị là quan hệ giữa các giai cấp, là những hoạt động xoay quanh vấn đề giành, giữ chính quyền và sử dụng quyền lực nhà nước.

Tất nhiên, chính trị không chỉ bao gồm các công việc của nhà nước. Xã hội muốn tồn tại và phát triển thì còn hàng loạt vấn đề chung khác cần giải quyết như: các vấn đề liên quan đến hệ tư tưởng, ý thức, đạo đức xã hội; các phương án giải quyết các vấn đề chung của xã hội khác với giai cấp, tầng lớp nắm quyền... Vì vậy, bên cạnh nhà nước trong xã hội còn tồn tại các tổ chức chính trị khác.

Hệ thống chính trị bao gồm toàn bộ các tổ chức chính trị, được lập ra để thực hiện quyền lực chung của xã hội - quyền lực chính trị.

Trong chế độ dân chủ, các thành viên của xã hội cũng như các tổ chức xã hội đều được tham gia ở mức độ nhất định hoạt động chính trị. Nhưng không phải vì thế mà các tổ chức xã hội đó đều được gọi là các tổ chức chính trị. Chỉ những tổ chức được lập ra chủ yếu để thực hiện quyền lực chính trị thì mới gọi là tổ chức chính trị. Tổ chức chính trị

có thể thực hiện các hoạt động khác nhưng đó không phải là nhiệm vụ cơ bản của nó.

Trong xã hội có giai cấp, quyền lực của giai cấp cầm quyền được thực hiện bằng một hệ thống thiết chế và tổ chức chính trị nhất định.

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị hợp pháp trong xã hội, bao gồm các đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức, nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội; củng cố, duy trì và phát triển chế độ chính trị phù hợp với lợi ích của giai cấp cầm quyền.

Hệ thống chính trị xuất hiện cùng với sự thống trị của giai cấp, nhà nước nhằm thực hiện đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền. Do đó, hệ thống chính trị mang bản chất giai cấp. Trong các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực chính trị, tổ chức và quản lý xã hội, quyết định nội dung hoạt động của hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngoài nhà nước và các chính đảng còn có các tổ chức chính trị - xã hội, được thành lập để thực hiện các hoạt động chính trị đặc biệt. Các tổ chức chính trị đặc biệt này ngoài các hoạt động chính trị là chủ yếu, còn thực hiện các chức năng xã hội khác nhưng không phải là chức năng chủ yếu.

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 5 đoàn thể chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hệ thống chính trị Việt Nam có các đặc điểm:

- *Tính nhất nguyên chính trị*

+ Không có chính đảng đối lập: Chế độ chính trị Việt Nam là thể chế chính trị một đảng duy nhất cầm quyền. Trong những giai đoạn lịch sử nhất định, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam còn có Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội. Tuy nhiên, hai đảng này được tổ chức và hoạt động như những đồng minh chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam, thừa nhận vai trò lãnh đạo và vị trí cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hệ thống chính trị ở Việt Nam là thể chế nhất nguyên chính trị, không tồn tại các đảng chính trị đối lập.

+ Nhất nguyên về tổ chức (các thành phần đều là "cánh tay nối dài" của Đảng): Hệ thống chính trị Việt Nam gắn liền với vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mỗi tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập, vừa đóng vai trò là hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân (Nhà nước),

tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của quần chúng (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội), vừa là tổ chức mà qua đó Đảng Cộng sản thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với xã hội.

+ Nhất nguyên về tư tưởng: Tính nhất nguyên chính trị của hệ thống chính trị được thể hiện ở tính nhất nguyên tư tưởng. Toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tính thống nhất

Hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm nhiều tổ chức có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng khác nhau, nhưng có quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Sự thống nhất của các thành viên đa dạng, phong phú về tổ chức, phương thức hoạt động trong hệ thống chính trị đã tạo điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp và tạo ra sự cộng hưởng sức mạnh trong toàn bộ hệ thống.

Tính thống nhất của hệ thống chính trị ở nước ta được xác định bởi các yếu tố sau:

+ Sự lãnh đạo thống nhất của một đảng duy nhất cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Sự thống nhất về mục tiêu chính trị của toàn bộ hệ thống là xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam với nội dung: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Sự thống nhất ở nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động là tập trung dân chủ.

+ Sự thống nhất của hệ thống tổ chức ở từng cấp, từ trung ương đến địa phương, với các bộ phận hợp thành.

- *Gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân*

Đây là đặc điểm có tính nguyên tắc của hệ thống chính trị Việt Nam. Đặc điểm này khẳng định hệ thống chính trị Việt Nam không chỉ gắn với chính trị, quyền lực chính trị, mà còn gắn với xã hội. Trong hệ thống chính trị có các tổ chức chính trị (như Đảng Cộng sản, Nhà nước), các tổ chức vừa có tính chính trị, vừa có tính xã hội (như Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác). Do vậy, hệ thống chính trị không đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội (như những lực lượng chính trị áp bức xã hội trong các xã hội có bóc lột), mà là một bộ phận của xã hội, gắn bó với xã hội. Cầu nối quan trọng giữa hệ thống chính trị với xã hội chính là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Sự gắn bó mật thiết giữa hệ thống chính trị với nhân dân được thể hiện trên các yếu tố:

+ Đây là quy luật tồn tại của Đảng, là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng cầm quyền.

+ Nhà nước là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội là hình thức tập hợp, tổ chức của chính các tầng lớp nhân dân.

+ Hệ thống chính trị là trường học dân chủ của nhân dân. Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị là phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

- *Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc của hệ thống chính trị*

+ Đặc điểm nổi bật của hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị đại diện cho nhiều giai cấp, tầng lớp nhân dân. Các giai cấp, tầng lớp nhân dân được đại diện bởi các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do vậy, hệ thống chính trị nước ta mang bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc sâu sắc.

+ Lịch sử nền chính trị Việt Nam là cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp gắn liền và bắt đầu từ mục tiêu giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Các giai cấp, các dân tộc đoàn kết trong đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, hợp tác để cùng phát triển. Sự tồn tại của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là thành viên quan trọng của hệ thống chính trị là yếu tố quan trọng tăng cường sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc.

+ Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc được khẳng định trong bản chất của từng tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã gắn kết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị. Sự phân biệt giữa dân tộc và giai cấp mang tính tương đối và không có ranh giới rõ ràng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Mục tiêu cuối cùng của việc xây dựng hệ thống chính trị là nhằm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân"¹.

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các nhiệm vụ cơ bản xây dựng hệ thống chính trị là:

Một là, kết hợp đồng bộ giữa kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị, thể hiện trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Trong những năm đầu, Đảng tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.238.

xã hội, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Quá trình phát triển của sự nghiệp đổi mới đã khẳng định sự kết hợp nhuần nhuyễn và bước đi đúng đắn đó. Đại hội XI của Đảng khẳng định phải đổi mới đồng bộ giữa kinh tế và chính trị.

Hai là, xây dựng hệ thống chính trị về tổ chức và phương thức hoạt động nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Đó là quá trình làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu quả, phù hợp. Trong giai đoạn hiện nay, để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế cần "Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.264.

Ba là, xây dựng hệ thống chính trị theo hướng toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Đại hội XI khẳng định: "Kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới. Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp"¹.

Bốn là, tạo lập các mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Đại hội XI khẳng định: "Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị"². Đổi mới cơ cấu tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị để hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường.

- Giải pháp xây dựng hệ thống chính trị:

Một là, xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ bản chất của Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.99, 258, 88.

Về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị, Cương lĩnh chỉ rõ: "Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"¹. Điều đó là cơ sở của sự gắn bó giữa xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

Đại hội XI đã chỉ rõ các chủ trương, giải pháp giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội; làm cho nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện dân chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.89.

rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy nhanh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là cá nhân người đứng đầu.

Hai là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là sản phẩm phát triển của loài người, của nền văn minh nhân loại.

Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo năm đặc điểm sau đây:

- Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân,

sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật; xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Ba là, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn..., quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị; thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" và dân thụ hưởng những thành quả của sự nghiệp đổi mới.

Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, khắc phục tình trạng hành chính

hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức để nâng cao chất lượng hoạt động, làm tốt công tác dân vận theo phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin",...

II. XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO VAI TRÒ VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Bản chất và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản ra đời là sự kết hợp hai yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân.

Trong bài viết *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930"¹. Đây là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam.

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam và là nhân tố chủ đạo quyết định thắng lợi trong sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Phong trào yêu nước có trước phong trào công nhân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.8.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đến năm 1930 đã có hàng trăm cuộc khởi nghĩa, phong trào yêu nước của nhân dân ta chống thực dân Pháp. Tinh thần yêu nước liên tục và bền bỉ hun đúc trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã kết thành chủ nghĩa yêu nước, trở thành giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam.

Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung.

Khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp với phong trào yêu nước. Cơ sở của sự kết hợp này là do mâu thuẫn cơ bản của xã hội nước ta lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai. Vì vậy, giữa hai phong trào này đều có một mục tiêu chung, yêu cầu chung: giải phóng dân tộc, làm cho Việt Nam được hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Chính bản thân phong trào công nhân, xét về đối tượng đấu tranh, đã mang ý nghĩa của phong trào yêu nước, bởi vì cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại ách áp bức của giai cấp tư sản, chủ yếu là chống lại bọn tư bản Pháp, kẻ xâm lược và áp bức toàn dân tộc.

Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân.

Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải kể đến phong trào nông dân. Vào đầu thế kỷ XX, giai cấp nông dân Việt Nam chiếm hơn 90% dân số. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Do điều kiện lịch sử chi phối, giai cấp công nhân Việt Nam đa số xuất thân từ nông dân nghèo. Do đó, giữa phong trào công

nhân và phong trào nông dân có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phong trào yêu nước Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX ghi dấu ấn đậm nét vai trò của trí thức. Số lượng trí thức của xã hội ta lúc đó không nhiều, nhưng họ lại là những "ngòi nổ" cho các phong trào yêu nước bùng lên chống thực dân Pháp xâm lược, thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước. Vào đầu thế kỷ XX, có sự bùng phát của các tổ chức yêu nước mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức. Với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi, trí thức rất nhạy cảm với thời cuộc, có cơ hội và thực sự chủ động đón nhận những "luồng gió mới" về tư tưởng trên thế giới dội vào Việt Nam.

Hồ Chí Minh khẳng định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi"¹. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh viết:

"Cách mệnh trước hết phải có cái gì?"

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.290.

áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"¹.

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội vì Đảng không có mục đích tự thân, ngoài lợi ích chung của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, Đảng không có lợi ích nào khác.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, điều này đã được thực tế lịch sử chứng minh. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới, không có một tổ chức chính trị nào có thể làm được việc đó. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đều là sự xuyên tạc thực tế lịch sử, trái với đạo lý và đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh hoàn toàn tuân thủ những quan điểm của V.I. Lênin về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Tuy số lượng ít so với dân số

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr. 267-268.

nhưng giai cấp công nhân có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng. Các giai cấp, tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân. Nội dung quy định bản chất giai cấp công nhân không phải chỉ là số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà chủ yếu là ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Mục tiêu của Đảng là chủ nghĩa cộng sản. Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), Người phân tích: "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"¹. Năm 1953, Hồ Chí Minh viết: "Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc... Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân"².

Sự thể hiện quan điểm về Đảng như trên của Hồ Chí Minh không làm thay đổi quan điểm nhất quán của Người về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr. 175.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr. 230-231.

bản chất giai cấp của Đảng là *Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân*.

Quan niệm cho rằng Đảng không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng luôn luôn đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc, được nhân dân Việt Nam coi là Đảng của chính mình. Trong thành phần của Đảng, ngoài công nhân, còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác. Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta chính thức diễn đạt bản chất của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh và đưa vào *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Hồ Chí Minh đã khẳng định mục tiêu đấu tranh của Đảng là lãnh đạo nhân dân giành lấy chính quyền. Điều này đúng với chỉ dẫn của C. Mác là giai cấp công nhân phải "tự mình trở thành nhà nước".

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lấy chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền, mang lại lợi ích cho dân tộc, độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng không phải là một tổ chức tự thân, vì vậy mục đích, tôn chỉ của Đảng là "tận tâm", "tận lực", "phụng sự" và "trung thành" với lợi ích của dân tộc Việt Nam; ngoài lợi ích của giai cấp, của

nhân dân và toàn thể dân tộc, Đảng không còn lợi ích nào khác. Người chỉ rõ: "Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới"¹.

Cụm từ "Đảng cầm quyền" được Hồ Chí Minh ghi trong bản *Di chúc* của Người năm 1969. Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, khi trở thành Đảng cầm quyền, bản chất của Đảng không thay đổi. Mục đích, lý tưởng của Đảng không thay đổi mà còn có thêm những điều kiện và sức mạnh nhằm hiện thực hóa mục đích, lý tưởng ấy. Cụ thể là:

Thứ nhất, Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Quan điểm này của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là sự vận dụng, phát triển hết sức sáng tạo lý luận Mác - Lênin về đảng vô sản kiểu mới. Xác định "người lãnh đạo" là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn xã hội và khi có chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước, đề ra các chủ trương, chính sách đúng đắn vì lợi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, tr.372.

dẫn vì lợi ích của nhân dân. Người viết: "Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"¹.

Đối tượng lãnh đạo của Đảng là toàn thể quần chúng nhân dân trong toàn dân tộc, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân - mà trước hết là quần chúng nhân dân lao động. Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hóa tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân"².

Đảng lãnh đạo cũng có nghĩa bao hàm trách nhiệm "là người đầy tớ" của dân; song "đầy tớ" ở đây không có nghĩa là "tôi tớ, tôi đòi hay theo đuôi quần chúng" mà là tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân. Người nhấn mạnh: "Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh"³. Mỗi cán bộ, đảng viên "đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật"⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.130.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.4.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr.88.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.56.

Thứ hai, Đảng cầm quyền, dân là chủ.

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu kinh nghiệm, lý luận của các cuộc cách mạng trên thế giới và kết luận: "cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người"¹. Theo Người, quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới, khi xa rời nguyên tắc này, Đảng sẽ trở thành đối lập với nhân dân.

Dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy "dân làm gốc". Mặt khác, dân chỉ có thể làm chủ thực sự khi có sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi người dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh là để bảo đảm quyền làm chủ thực sự của mình.

Cơ chế Đảng cầm quyền, dân là chủ thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa Đảng với dân, nguyên tắc dân làm chủ, dân làm gốc. Theo Hồ Chí Minh, cơ chế ấy chỉ có thể trở thành hiện thực, không bị vi phạm khi cán bộ, đảng viên thực sự là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

2. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Lãnh đạo một cộng đồng người hay một cơ quan, đơn vị, một tổ chức... là một tất yếu khách quan bảo đảm cho cộng đồng người hay một cơ quan, đơn vị, một tổ chức... tồn tại, phát triển theo định hướng nhất định. Người lãnh đạo là người giúp cho cộng đồng người hay một cơ quan, đơn vị,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.270.

một tổ chức... đó tồn tại theo định hướng. Lãnh đạo bao gồm các hoạt động:

- + Đề ra mục tiêu mà cộng đồng người hay một cơ quan, đơn vị, một tổ chức... cần hướng tới và cách thức để đạt mục tiêu đó (tức đường lối, chủ trương...).

- + Truyền bá, đào tạo lực lượng nòng cốt, chỉ dẫn, hướng dẫn, nêu gương... để mọi người hiểu, thực hiện, làm theo.

- + Tổ chức thực hiện, phân bổ lực lượng, phân công theo dõi, quản lý...

- + Giám sát, kiểm tra, uốn nắn những sai phạm.

- + Sơ kết, tổng kết, đánh giá.

Nội dung lãnh đạo thể hiện ở nội dung của mục tiêu và cách thức để đạt mục tiêu đó, trong nội dung của các chủ trương, đường lối được đề ra. Phương thức lãnh đạo bao gồm các công cụ, cách thức mà người lãnh đạo dùng để tác động lên đối tượng lãnh đạo (cộng đồng người hay một cơ quan, đơn vị, một tổ chức, v.v.).

Nội dung lãnh đạo của Đảng bao gồm toàn bộ các vấn đề của đất nước, trong từng lĩnh vực cụ thể, từ chính trị, kinh tế đến văn hoá, xã hội ở các cấp, các ngành; trong các mối quan hệ với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và toàn thể xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng biểu hiện tập trung nhất là lãnh đạo về chính trị và tư tưởng, nhằm mục tiêu tạo ra một khuôn khổ chính trị để Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền, chức năng và vai trò của mình

theo quy định của pháp luật, theo điều lệ, mục đích, tôn chỉ của mỗi tổ chức.

Nội dung lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong nội dung của cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính định hướng chính trị cho sự phát triển đất nước, tạo cơ sở cho tổ chức và hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*:

- Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn.

- Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

- Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu¹.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88-89.

Giống như nội dung sự lãnh đạo của Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng có sự thay đổi phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng luôn là một yêu cầu có tính khách quan, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Yêu cầu khách quan này luôn được Đảng ta quán triệt và nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn hiện nay

a) Nhiệm vụ xây dựng Đảng

Vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người liên tục đề cập vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hình thành một hệ thống các luận điểm mang tính nhất quán. Với Người, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, dân tộc và nhân dân.

Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng dựa theo các căn cứ sau đây:

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với quá trình phát triển liên tục của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình, bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn; mỗi thời kỳ,

mỗi giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những yêu cầu riêng. Trước diễn biến của điều kiện khách quan, bản thân Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc. Sinh thời, mỗi khi cách mạng chuyển giai đoạn, bắt đầu triển khai thực hiện nhiệm vụ mới, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chủ trương trước hết phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Đảng sống trong xã hội, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội.

Tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái tích cực, tiến bộ và cái tiêu cực, lạc hậu. Do đó, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện. Đảng phải thường xuyên chú ý đến việc chỉnh đốn Đảng.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục, tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng.

Cán bộ, đảng viên không phải là thần thánh, họ là con người, ai cũng có hai mặt tốt - xấu, thiện - ác, thường xuyên đấu tranh với nhau. Trong điều kiện môi trường tốt, nếu cán bộ, đảng viên nỗ lực tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện thì mặt tốt, mặt thiện sẽ nổi lên, đẩy lùi mặt ác, mặt xấu và ngược lại.

- Trên bình diện phát triển cá nhân, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trở thành nhu cầu tự hoàn thiện, nhu cầu tự làm trong sạch nhân cách của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng càng phải tiến hành thường xuyên hơn.

Quyền lực có tính chất hai mặt. *Một mặt*, quyền lực nếu biết sử dụng đúng sẽ có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. *Mặt khác*, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị thoái hóa, biến chất, biến quyền lực của nhân dân thành đặc quyền của cá nhân, v.v.. Hồ Chí Minh đã đi đến một nhận định mang tính triết lý và thực tiễn sâu sắc, có giá trị phổ quát trong vấn đề xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"¹.

Nhiệm vụ xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận.

Phải dựa vào lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, lý luận. Trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau đây:

Một là, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng.

Hai là, việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, tr. 557-558.

Ba là, trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bốn là, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Xây dựng Đảng về chính trị.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị bao gồm: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị... Trong các nội dung trên, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Hồ Chí Minh đã cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị gây hậu quả nghiêm trọng đối với vận mệnh của Tổ quốc, sinh mệnh chính trị của hàng triệu đảng viên và nhân dân lao động.

Đảng muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn cần phải dựa trên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ. Phải học tập kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em, nhưng phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và của thời đại để có đường lối chính trị đúng.

Đảng cần phải giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh.

- Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ.

+ *Về hệ thống tổ chức của Đảng*, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức. Hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Sức mạnh của các tổ chức liên quan chặt chẽ với nhau; mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng.

Trong hệ thống tổ chức của Đảng cần coi trọng vai trò của chi bộ. Chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên. Chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

+ *Về tổ chức sinh hoạt đảng*, Hồ Chí Minh nêu các nguyên tắc sau:

Một là, tập trung dân chủ.

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Giữa "tập trung" và "dân chủ" có mối quan hệ khăng khít với nhau, đó là hai vế của một nguyên tắc; tập trung trên nền tảng dân chủ; dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung. Hồ Chí Minh viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr. 216.

Hai là, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Hồ Chí Minh giải thích về *tập thể lãnh đạo* trước hết là để tập hợp được trí tuệ của nhiều người. Người viết: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?"

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm"¹.

Về *cá nhân phụ trách*, Hồ Chí Minh cho rằng rất cần thiết để xác định rõ trách nhiệm và phát huy vai trò mỗi cá nhân. Người viết: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Nếu không có cá nhân phụ trách thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong"².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr. 504, 504-505.

Đối với việc thực hiện nguyên tắc này trong công tác xây dựng Đảng phải chú ý khắc phục tệ độc đoán chuyên quyền, đồng thời phải chống lại cả tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm.

Ba là, tự phê bình và phê bình.

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu bị mất dần đi. Mục đích này được quy định bởi tính tất yếu trong quá trình hoạt động của Đảng ta. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, thang thuốc tốt nhất là tự phê bình và phê bình.

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình là phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hằng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu giếm và cũng không thêm, bớt khuyết điểm; "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

Bốn là, kỷ luật nghiêm minh, tự giác.

Sức mạnh của một tổ chức đảng và của mỗi đảng viên bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng đòi hỏi tất cả mọi tổ chức đảng, tất cả mọi đảng viên đều phải bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước mọi quyết định của Đảng. Đồng thời, Đảng ta là một tổ chức gồm những người tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho nên tự giác là một yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức đảng và đảng viên. Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi ở đảng viên phải

gương mẫu trong cuộc sống, trong công tác. Uy tín của Đảng bắt nguồn từ sự gương mẫu của mỗi đảng viên trong việc tự giác tuân thủ kỷ luật của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể nhân dân.

Năm là, đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Đoàn kết, thống nhất phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp.

Muốn đoàn kết, thống nhất phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải "sống với nhau có tình, có nghĩa". Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động, làm cho "Đảng ta tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như là một người".

+ Về cán bộ, công tác cán bộ của Đảng.

Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém. Người cán bộ phải có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó đức, phẩm chất là gốc.

Nội dung của công tác cán bộ bao hàm các mắt khâu liên hoàn, có quan hệ chặt chẽ với nhau: tuyển chọn cán bộ; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

- Xây dựng Đảng về đạo đức.

Một Đảng chân chính, cách mạng phải có đạo đức. Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân. Có đạo đức cách mạng trong sáng, Đảng ta mới lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Đó là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và cũng là tư cách số một của Đảng cầm quyền.

Đạo đức của Đảng ta là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đạo đức đó là sự kết hợp đạo đức truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại và đạo đức Mác - Lênin, đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức nhằm làm cho Đảng luôn thật sự trong sạch. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

b) Giải pháp xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn hiện nay

- Thực hiện tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cấp trên.

Trên cơ sở kiểm điểm của tập thể, cá nhân, xác định cho được những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, từ

đó đề ra các biện pháp khắc phục; *tự mỗi cá nhân*, có sự góp ý, lấy ý kiến của tập thể, thậm chí của nhân dân, nêu lên *những việc kiên quyết sửa đổi, kiên quyết thực hiện*.

- Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ, sinh hoạt đảng và cơ chế, chính sách.

+ Phát huy dân chủ thật sự trong Đảng, thực hiện Quy chế chất vấn trong Đảng.

+ Chấn chỉnh tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

+ Triển khai thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; thực hiện đánh giá cán bộ, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ theo chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ làm cơ sở cho việc quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ; quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị.

+ Thực hiện quy chế tín nhiệm đối với tập thể và cá nhân; thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo trong cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể; tổ chức để nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

+ Có cơ chế, chính sách và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, kiểm soát chặt chẽ vốn và tài sản nhà nước; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; thực hiện việc kê khai tài sản.

+ Thực hiện chế độ tiền lương, nhà ở, chống bình quân, cào bằng; đồng thời chống đặc quyền, đặc lợi.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

+ Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, tạo niềm tin trong Đảng và nhân dân.

+ Bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp trung ương.

+ Chú trọng làm tốt hơn việc nêu gương những người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; đồng thời phê phán, đấu tranh với những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, vô trách nhiệm, vụ lợi cá nhân, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống...

+ Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời.

+ Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội...

III. NHÀ NƯỚC - TRUNG TÂM CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Giai cấp vô sản phải tìm mọi cách thu hút lực lượng đông đảo về phía mình, do đó phải lập ra nhà nước vô sản (tức là chuyên chính vô sản). Đó là thiết chế cần thiết để bảo đảm sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nhân dân.

Nhưng nhà nước vô sản thể hiện chức năng cơ bản nhất, chủ yếu nhất của nó không phải là chức năng bạo lực mà là chức năng tổ chức xây dựng kinh tế - xã hội. Chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực mà mặt cơ bản của nó là tổ chức, xây dựng toàn diện xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Cũng vì những tính chất đặc biệt như vậy của nhà nước vô sản mà những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định rằng nhà nước vô sản là một kiểu nhà nước đặc biệt trong lịch sử, đó là *nhà nước không còn nguyên nghĩa*, là *nhà nước nửa nhà nước*. Sau khi những cơ sở kinh tế, xã hội của sự xuất hiện và tồn tại của nhà nước mất đi thì nhà nước sẽ không còn. Sự mất đi của nhà nước tư sản không phải bằng con đường *thủ tiêu, xóa bỏ* mà bằng con đường *tự tiêu vong*. Sự tiêu vong của nhà nước tư sản được dự báo là một quá trình rất lâu dài.

Và cũng do vậy, nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chính là nhà nước chuyên chính vô sản, một

loại liên minh đặc biệt giữa giai cấp công nhân với quần chúng lao động không vô sản. Nhà nước vô sản do vậy phải là *chính quyền của nhân dân, là nhà nước của dân, do dân, vì dân*. Cũng do đó, chế độ dân chủ vô sản là chế độ dân chủ theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này. Đó là nền dân chủ bao quát toàn diện mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó lấy dân chủ trên lĩnh vực kinh tế làm cơ sở.

Sự tồn tại của nhà nước trong thời kỳ quá độ là tất yếu vì trong thời kỳ quá độ xã hội còn tồn tại các giai cấp bóc lột và các lực lượng xã hội chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội khiến giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải trấn áp bằng bạo lực. Hơn nữa, trong thời kỳ quá độ còn có các giai cấp và tầng lớp trung gian khác. Do địa vị kinh tế - xã hội của mình, họ dễ dao động giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, họ không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tính chất đặc biệt của nhà nước còn thể hiện ở cơ sở quyền lực của nhà nước - đó là nền tảng liên minh công - nông làm nòng cốt cho sự liên minh với mọi tầng lớp những người lao động khác trong xã hội. Để thực hiện sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân cần có sự hỗ trợ, cộng tác, liên minh vững chắc và ngày càng củng cố với những người lao động khác.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội mang lại cho nhà nước nhiều hình thức mới. Tính đa dạng của nhà nước đó tùy thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể của thời điểm xác lập nhà nước ấy, tùy thuộc vào tương quan lực lượng giữa

các giai cấp và khối liên minh giai cấp tạo thành cơ sở xã hội của nhà nước, tùy thuộc vào nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội mà nhà nước đó phải thực hiện, tùy thuộc vào truyền thống chính trị của dân tộc. Hình thức cụ thể của nhà nước trong thời kỳ quá độ có thể rất khác nhau, nhưng bản chất chỉ là một.

Đó là một trong những tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, một công cụ quản lý mà đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra để qua đó là chủ yếu, nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình, cũng qua đó là chủ yếu mà giai cấp công nhân và đảng của nó lãnh đạo xã hội về mọi mặt trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Đã là một loại hình nhà nước dân chủ, kế thừa và phát huy các thành quả chung - những giá trị của quá trình phát triển dân chủ mà nhân loại đã sản sinh ra. Ví dụ, dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng kế thừa khái niệm và thuật ngữ "dân chủ" với bản chất nhất là "quyền lực của dân". Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng do nhân dân bầu cử ra và có thể bãi miễn nó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng kế thừa tính hợp lý về cơ cấu tổ chức có tính pháp quyền của nhà nước dân chủ tư sản: cũng có các cơ quan lập pháp (Quốc hội, Nghị viện...), hành pháp (Chính phủ, Hội đồng Bộ trưởng) và tư pháp (Toà án, Viện Kiểm sát, Viện Công tố...).

Bất kỳ nhà nước nào trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng mang bản chất của giai cấp thống trị xã hội (ví dụ: nhà nước dân chủ chủ nô, nhà nước quân chủ phong kiến, nhà nước dân chủ tư sản...). Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa (nhà nước chuyên chính vô sản) do đó trước hết mang bản chất giai cấp công nhân. Nhưng giai cấp công nhân lại là giai cấp thuộc nhân dân lao động mà ra, đại biểu cho phương thức sản xuất mới, hiện đại, gắn với và đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và dân tộc, do vậy nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc (giống như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa).

Chức năng giai cấp của nhà nước trong thời kỳ quá độ thể hiện bằng việc thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức, xây dựng toàn diện xã hội mới; bằng việc sử dụng những công cụ bạo lực đã có trong tay để đập tan sự phản kháng của kẻ thù chống lại công cuộc tổ chức, xây dựng đó. Khi đề cập tới sự cần thiết phải sử dụng phương thức thứ hai vừa nêu, C. Mác cho rằng sở dĩ giai cấp vô sản cần sử dụng công cụ bạo lực để bảo vệ thành quả cách mạng của mình vì chính giai cấp tư sản không cần đắn đo trong việc sử dụng những biện pháp cứng rắn nhất nhằm khôi phục lại trật tự tư bản chủ nghĩa của chúng.

Cả C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đều xem tổ chức, xây dựng xã hội mới mang tính sáng tạo nhằm cải tiến

trật tự chủ nghĩa tư bản và hình thành trật tự chủ nghĩa xã hội là cái căn bản hơn trong chức năng của nhà nước.

Ngay từ năm 1847, Ph. Ăngghen đã nêu ra 12 nhiệm vụ mà giai cấp công nhân phải thực hiện sau khi giành được chính quyền, thì tất cả các nhiệm vụ đó đều trực tiếp liên quan tới tổ chức, xây dựng xã hội mới. Sau đó một năm, khi xác định những nấc thang, những giai đoạn của cuộc cách mạng công nhân nhằm đi tới giải phóng và phát triển toàn diện con người, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng xem việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực nhà nước mới chỉ là giai đoạn đầu tiên. Sau đó phải sử dụng quyền lực nhà nước để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga làm cách mạng, sau khi thiết lập chuyên chính vô sản, V.I. Lênin đã trực tiếp giải quyết, xây dựng xã hội mới. Đó là thời kỳ chủ nghĩa xã hội không còn chỉ là cương lĩnh hay học thuyết, mà đã trở thành công việc xây dựng hàng ngày. Bởi vậy, V.I. Lênin đã có sự phát triển mới về mặt lý luận liên quan tới chức năng tổ chức và xây dựng của Nhà nước.

Trong lĩnh vực kinh tế, để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, nhà nước phải hoàn thành việc phát triển mạnh các lực lượng sản xuất, củng cố kỷ luật lao động mới, nâng cao năng suất lao động được xem là nhiệm vụ cơ bản... *Trong lĩnh vực xã hội*, phải tạo ra quan hệ xã hội mới, tạo ra những tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật với sự tập

hợp đồng đảo những người lao động: cải tạo dần sản xuất hàng hoá thông qua công tác tổ chức lâu dài. *Trong nhiệm vụ quản lý toàn diện đời sống xã hội*, quản lý nhà nước thực chất là quản lý kinh tế.

2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội không thể tồn tại và phát triển nếu thiếu dân chủ, thiếu sự thực hiện một cách đầy đủ và mở rộng không ngừng dân chủ. *Phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những hình thức của sự phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong thực tiễn, v.v.* là một trong những nhiệm vụ cấu thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một vấn đề có tính quy luật của sự phát triển và hoàn thiện nhà nước.

Tại Việt Nam, học thuyết về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin hay còn gọi là lý luận về nhà nước và pháp luật đã được Hồ Chí Minh Việt hóa thông qua việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam cũng như qua thực tiễn đấu tranh giành, giữ chính quyền, qua thời kỳ quản lý, chỉ đạo điều hành miền Bắc nước ta. Những tư tưởng này được tập hợp và được khái quát đặt tên thành *nhiệm vụ xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân*, một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, một nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Hồ Chí Minh khẳng định: *Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đời mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Nhà nước của dân: Nhà nước theo quan điểm của Hồ Chí Minh là nhà nước của dân. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người cho rằng: *Nhà nước Việt Nam dân chủ kiểu mới là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Cơ sở xã hội của nhà nước đó là toàn thể dân tộc Việt Nam, dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.* Và từ năm 1941, Người cũng đã có chủ trương rằng: *Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới không phải thuộc quyền riêng của giai cấp nào mà là của chung, của toàn thể dân tộc, chỉ trừ bọn tay sai của đế quốc Pháp, Nhật và những bọn phản quốc..., còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam, hết thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy.*

Theo đó, cần xác lập tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.

Nhân dân lao động mà làm chủ nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp.

Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu họ không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Như thế, Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí cao. Điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình.

Nhà nước do dân: Nội dung này có thể nói ngắn gọn là nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Nhiệm vụ của những người lãnh đạo là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định:

- "Việc nước là việc chung, mỗi một người con Rồng 1g cháu Tiên, bất kỳ già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo"¹.

Người cho rằng: "tất cả các cơ quan Nhà nước là phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.240.

dựa vào nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân"¹.

Lực lượng bao nhiêu là nhờ dân hết, Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu quả thì phải dựa vào dân: "Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết"², "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân"³.

Nhà nước vì dân: Hồ Chí Minh coi nhân dân là chủ thể quyền lực, Nhà nước là công cụ của nhân dân, là hình thức để tập hợp, quy tụ sức mạnh của toàn dân tộc vào sự nghiệp chung chứ Nhà nước không phải là nơi để thăng quan, phát tài, chia nhau quyền lực, lợi ích và bổng lộc. Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân, chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân cử ra...

Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân, việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Và nhiệm vụ của Nhà nước là phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành.

Nhà nước vì dân là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.591.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.101.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.65.

dân chủ không phải *làm quan cách mạng* để *đề đầu cười cổ nhân dân* như dưới thời đế quốc thực dân. Ngay như chức vụ Chủ tịch nước cũng là do dân ủy thác cho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đầy tớ cho nhân dân.

3. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền có từ rất sớm ở Hy Lạp. Đến thế kỷ XVIII, các nhà dân chủ tư sản tiếp tục hoàn thiện, nâng lên thành một học thuyết về nhà nước pháp quyền. Đây là học thuyết tiến bộ, nhân đạo, đã trở thành giá trị của nền văn minh nhân loại.

Trong lịch sử đã tồn tại và trải qua nhiều hình thức nhà nước pháp quyền, dựa trên nguyên tắc chung, nhưng không hoàn toàn giống nhau, xuất phát từ những điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội nhất định. Vì vậy, có thể khẳng định không có một kiểu mẫu nhà nước pháp quyền nào là kiểu mẫu tối ưu hoặc duy nhất trên thế giới, bắt buộc dân tộc khác phải đi theo. Tuy nhiên, dựa trên các hình thái nhà nước pháp quyền tồn tại trong lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới có thể nêu hai đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền:

- Nhà nước pháp quyền là nhà nước dựa trên chế độ pháp trị, tức là sự thượng tôn pháp luật; pháp luật được đề cao; mọi tổ chức, cá nhân, mọi công dân đều phải tuân thủ pháp luật, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

- Nhà nước pháp quyền là nhà nước dựa trên chế độ tam quyền phân lập; có sự độc lập tương đối trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác nhà nước pháp quyền tư sản ở hai điểm cơ bản:

- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; nhà nước ra đời và hoạt động để phục vụ nhân dân, do nhân dân lập ra, vì lợi ích của nhân dân, trong đó, nhân dân được hiểu theo nghĩa là tất cả mọi người sống trong nhà nước và không bị tước quyền công dân.

Nhà nước pháp quyền tư sản cũng tuyên bố là nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhưng thực chất quyền lực nhà nước nằm trong tay giai cấp tư sản.

- Tam quyền phân lập là lập pháp, hành pháp và tư pháp trong thực hiện không đối lập nhau mà là sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau.

Trước đổi mới, Đảng ta chưa dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, mặc dù trong Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980 đã thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng pháp luật và tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước theo tinh thần nhà nước pháp quyền ở mức độ nhất định. Bắt đầu từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1-1994), Đảng ta đã dùng khái niệm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội IX khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ,

công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật"¹. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* thông qua tại Đại hội XI khẳng định: "Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân"².

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có thể rút ra những đặc trưng cơ bản của *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* như sau:

Một là, đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ba là, Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd*, tr.131-132.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.85.

Năm là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Bản chất Nhà nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện bằng những đặc trưng sau:

Một là, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến hành đấu tranh cách mạng, trải qua bao hy sinh, gian khổ đã giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là người lãnh đạo để thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó chính là tính chất giai cấp của Nhà nước ta.

Nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước với nhiều hình thức khác nhau. Hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử lập ra các cơ quan đại diện quyền lực của mình. Điều 6 Hiến pháp năm 1992 quy định: "Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội

đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân"¹. Đồng thời, nhân dân có quyền giám sát, yêu cầu các đại biểu và cơ quan do nhân dân lập ra trả lời những vấn đề trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm quyền lợi của nhân dân.

Hai là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tính dân tộc của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa là bản chất, vừa là truyền thống, vừa là nguồn gốc sức mạnh. Ngày nay, tính dân tộc ấy lại được tăng cường và nâng cao nhờ khả năng kết hợp giữa tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính thời đại. Điều 5 Hiến pháp năm 1992 khẳng định:

"Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình"².

1, 2. *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, Sđd*, tr.124.

Các dân tộc có quyền lựa chọn những đại biểu ưu tú của dân tộc mình tham gia vào cơ quan nhà nước các cấp.

Ba là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Khi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thì quan hệ giữa Nhà nước và công dân đã thay đổi, công dân có quyền tự do, dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phải làm tròn nghĩa vụ trước Nhà nước. Pháp luật bảo đảm thực hiện trách nhiệm hai chiều giữa Nhà nước và công dân: quyền của công dân là nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân là quyền của Nhà nước.

Bốn là, tính chất dân chủ rộng rãi của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dân chủ hoá đời sống xã hội và hoạt động của Nhà nước là đòi hỏi có tính nguyên tắc, nảy sinh từ bản chất dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là thu hút những người lao động tham gia một cách bình đẳng và ngày càng rộng rãi vào quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội. Vì vậy, quá trình xây dựng Nhà nước phải là quá trình dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời, phải cụ thể hoá tư tưởng dân chủ thành các quyền của công dân, quyền dân sự, chính trị cũng như quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Phát huy được quyền dân chủ của nhân dân ngày càng rộng rãi là nguồn sức mạnh vô hạn của Nhà nước.

Những đặc điểm mang tính bản chất nêu trên của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện cụ thể trong các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và được pháp luật chế định một cách chặt chẽ.

Đại hội X chỉ rõ: "xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"¹. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* yêu cầu: "Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân... Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa"².

Để thực hiện yêu cầu trên, cần làm tốt các *nhiệm vụ* sau:

Một là, xây dựng hệ thống pháp luật bao quát, toàn diện và cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Hai là, xây dựng và tổ chức hoạt động của Quốc hội.

Xây dựng và tổ chức hoạt động của Quốc hội, cơ chế

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.45.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.85.

bầu cử đại biểu Quốc hội; ngày càng tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội...

Thực hiện quy trình xây dựng luật, giảm dần việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội.

Ba là, tổ chức và hoạt động của Chính phủ.

Đẩy mạnh tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Luật hóa cơ cấu tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm hiệu lực, tinh gọn và hợp lý. -

Thực hiện nghiêm ngặt chế độ công vụ trong các cơ quan nhà nước.

Bốn là, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp.

Năm là, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

Sáu là, tổ chức bộ máy hành chính và hoạt động của cơ quan hành chính, cán bộ, công chức. Ban hành và thực hiện Luật về công chức, công vụ; xác định rõ cơ quan, công chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho từng loại cán bộ, công chức và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức...

IV. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong lịch sử cách mạng nước ta, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò rất quan trọng. Các tổ chức này đã động viên, tập hợp các tầng lớp nhân dân trong đấu tranh giành chính quyền, trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, đấu tranh thống nhất đất nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên đã có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự hình thành và củng cố nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam. Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 khẳng định: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước"¹.

1. *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992)*, Sđd, tr.125.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là những bộ phận cấu thành hệ thống chính trị của nước ta, được hình thành nhằm đáp ứng những lợi ích đa dạng của các thành viên; thu hút đông đảo nhân dân tham gia quản lý các công việc nhà nước, công việc xã hội; nâng cao tính tích cực của mỗi công dân. Trong xã hội ta, nhân dân thực hiện quyền lực chính trị của mình không chỉ bằng Nhà nước mà còn thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Vì vậy, mỗi tổ chức có vị trí, vai trò khác nhau, nhưng cùng tác động vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm quyền lực của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là những tổ chức hợp pháp được tổ chức ra để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, đại diện cho lợi ích của nhân dân, tham gia vào hệ thống chính trị tùy theo tính chất, tôn chỉ, mục đích của mình nhằm bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của các hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí và nguyện vọng; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng

và Nhà nước; thực hiện vai trò giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức và giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng, động viên và phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị; chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của nhân dân; tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giữ vững và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, góp phần thực hiện và thúc đẩy quá trình dân chủ hoá và đổi mới xã hội, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Cùng với hình thức tổ chức của hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức theo một hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: Tổ chức cơ sở đảng, Hội đồng nhân dân xã, phường; Ủy ban nhân dân xã, phường; Mặt trận Tổ quốc xã, phường, các tổ chức chính trị - xã hội khác: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh ở xã, phường, thị trấn.

Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

2. Nhiệm vụ xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; bảo đảm để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận; Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Xây dựng các đoàn thể nhân dân thực hiện đúng tôn chỉ và mục đích đã được xác định: Vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.